

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2020.

*“V/v tranh chấp  
hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tô Thị Bích Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lưu Thị Tám

2. Ông Huỳnh Khởi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Tư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, ngày 03 tháng 7 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 18/12/2020, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Trương Thị O, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, thị trấn L, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

\* *Bị đơn:* Võ Thanh T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Vào năm 2003, bà Trương Thị O và ông Võ Thanh T có tổ chức cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, bà O và ông T có 02 người con chung tên Võ Minh T1, sinh ngày 17/10/2004 và Võ Ngọc Trâm A, sinh ngày 04/4/2007, hiện các con đang sống với ông T.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu sau khi đám cưới, bà O và ông T sống hạnh phúc được 07 năm, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông T không lo kinh tế gia đình và không quan tâm đến vợ con. Đến năm 2012 thì bà O và ông T không còn quan tâm đến nhau nữa và ly thân cho đến nay. Nhận thấy giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể tồn tại được nên bà O yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu

Tòa án công nhận mối quan hệ sống chung giữa bà với ông Võ Thanh T không phải là vợ chồng; Về con chung: Tùy theo nguyện vọng của các con muốn sống theo ai thì người đó nuôi dưỡng và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn là ông Võ Thanh T: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T nhưng ông không tham gia tố tụng, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông T.

Tại phiên tòa, bà O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, do ông T vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa như sau:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và bà O tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật. Ông T chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà O và ông T không phải là quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật vì các đương sự không thực hiện đầy đủ các thủ tục về đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Các con chung tên Tiến và Anh đều có nguyện vọng tiếp tục được sống chung với cha là ông T sau khi cha mẹ hai cháu không còn chung sống với nhau nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết để ông T được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung theo đúng nguyện vọng của các con, bà O không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà O theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tài sản chung, nợ chung, do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, bà O yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà O yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ sống chung giữa bà O và ông T là quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật. Về con chung: Tùy theo nguyện vọng của các con muốn sống theo ai thì

người đó nuôi dưỡng và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét các yêu cầu khởi kiện của bà O, thì thấy rằng:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà O trình bày: Năm 2003, bà O và ông T có tổ chức cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. và bà O cho rằng sống chung với ông T không hạnh phúc. Vì vậy, bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết không công nhận quan hệ sống chung giữa bà O và ông T là quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật.

*Xét yêu cầu này của bà O thì thấy rằng:*

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về việc đăng ký kết hôn, cụ thể như sau:

*“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.*

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, cụ thể như sau:

*“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và 16 của Luật này”.*

Do bà O và ông T sống chung với nhau từ năm 2003 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật cho nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình như đã được viện dẫn nêu trên. Bà O không muốn sống chung cùng ông T vì cho rằng sống chung không hạnh phúc thì không ai có quyền ép buộc bà O phải sống chung cùng ông T. Vì vậy, theo các quy định được viện dẫn nêu trên, pháp luật không công nhận quan hệ sống chung giữa bà Trương Thị O và ông Võ Thanh T là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] *Về con chung:*

Bà O trình bày trong thời gian sống chung với ông T có 02 con chung tên Võ Minh Tiến, sinh ngày 17/10/2004 và Võ Ngọc Trâm Anh, sinh ngày 04/4/2007, hiện các con đang sống với ông T nên tùy theo nguyện vọng của hai con muốn sống chung với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Lời trình bày của bà O về con chung phù hợp với Giấy khai sinh của 02 con chung do bà O cung cấp cho Tòa án.

Xét thấy, các con của các đương sự còn nhỏ, chưa tới tuổi trưởng thành, cần phải có sự quan tâm chăm sóc của cả cha và mẹ nhưng khi cha mẹ không còn chung sống với nhau thì chỉ có một người trực tiếp nuôi con. Thực tế sau khi bà O

và ông T sống ly thân đến nay thì hai con chung đều do ông T nuôi dưỡng và chăm sóc vẫn đảm bảo cho hai cháu T và A phát triển lành mạnh một cách tốt nhất về thể chất và tinh thần. Hai cháu T và A có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với ông T sau khi cha mẹ các cháu không còn chung sống với nhau, nên việc giao hai con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao hai cháu T1 và A cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Do ông T không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét giải quyết. Nếu sau này, có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, thì các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác. Bà O có quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này, có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hay nợ chung, thì các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự..

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 16 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị O.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ sống chung giữa bà Trương Thị O và ông Võ Thanh T là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

2. *Về con chung:* Giao hai con chung tên Võ Minh T, sinh ngày 17/10/2004 và Võ Ngọc Trâm A, sinh ngày 04/4/2007 cho ông Võ Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà O

cấp dưỡng nuôi con. Bà O được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Án phí sơ thẩm*: Bà O phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà O đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004257 ngày 03/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà O đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Bà Trương Thị O có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt (ông Võ Thanh T) được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tô Thị Bích Duyên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Tám**

**Huỳnh Khởi**

**Tô Thị Bích Duyên**

